

Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế Quảng Ninh

BẢNG KÊ THANH TOÁN BỔ SUNG THU NHẬP THEO NĐ 60/2021/NĐ-CP QUÝ IV/2023

Kính gửi: Ngân hàng ngoại thương (Vietcombank) Quảng Ninh

Đề nghị ngân hàng trích tài khoản số: 0141.000.402.547 của Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế QN để trả bổ sung thu nhập qua tài khoản CBVC đơn vị chúng tôi theo danh sách sau:

S T T	Họ tên	Số tài khoản	Số tiền				Tổng cộng	Ghi chú
			Lương NĐ 60					
1	Hoàng Văn Lương	055.100.000.2469	98.607.535				98.607.535	
2	Đặng Văn Thành	014.100.010.9551	92.700.636				92.700.636	
3	Trần Thanh Thủy	1013.029.492	75.498.307				75.498.307	
4	Trần Tuấn Linh	014.100.034.2546	71.486.816				71.486.816	
5	Bế Văn Nghĩa	014.100.034.2647	28.339.442				28.339.442	
6	Đinh Văn Bổng	014.100.034.2528	67.632.776				67.632.776	
7	Nguyễn Thu Thủy	014.100.006.0055	64.127.475				64.127.475	
8	Nguyễn Thị Thủy Hạnh	014.100.003.2752	86.658.761				86.658.761	
9	Nguyễn Quang Vinh	014.100.034.2472	86.762.818				86.762.818	
10	Bùi Gia Thiệp	014.100.034.2519	87.664.223				87.664.223	
11	Nguyễn Gia Tuấn	014.100.011.2423	69.228.459				69.228.459	
12	Trần Trung Được	014.100.034.2555	70.582.990				70.582.990	
13	Vy Văn Sự	014.100.024.6871	91.475.429				91.475.429	
14	Trần Thị Lê Lai	014.100.011.2416	65.943.850				65.943.850	
15	Giang Thị Lan	014.100.034.2573	63.940.695				63.940.695	
16	Nguyễn Thị Phương	055.100.002.0067	69.897.432				69.897.432	
17	Nguyễn Thị Phương Thảo	014.100.034.2490	65.104.386				65.104.386	
18	Nguyễn Văn Quyết	014.100.034.2665	68.961.925				68.961.925	
19	Đào Thị Phúc	014.100.034.2582	56.531.157				56.531.157	
20	Ngô Mạnh Quý	014.100.041.7989	59.709.652				59.709.652	
21	Nguyễn Thị Uyên	014.100.020.5345	53.868.525				53.868.525	
22	Nguyễn Thị Hiền	014.100.043.8172	54.023.525				54.023.525	
23	Vy Quyết Chiến	055.100.011.0626	50.905.142				50.905.142	
24	Lưu Thế Dương	014.100.060.5819	50.025.229				50.025.229	
25	Nguyễn Văn Cháp	055.100.013.4439	53.858.433				53.858.433	
26	Nguyễn Thị Quỳnh Ly	014.100.066.7015	62.466.804				62.466.804	
27	Nguyễn Tiến Quang	0551.000.246.429	92.154.588				92.154.588	
28	Bùi Ngọc Liên	0521.000.026.866	53.261.488				53.261.488	
29	Nguyễn Tiến Vương	0141.000.725.802	61.072.014				61.072.014	
30	Đoàn Thị Hương Mai	0141.000.725.391	90.516.041				90.516.041	
31	Hoàng Mạnh Tùng	1017.320.789	50.177.384				50.177.384	



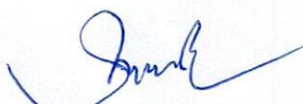
S T T	Họ tên	Số tài khoản	Số tiền				Tổng cộng	Ghi chú
			Lương VNĐ 60					
32	Nguyễn Thị Yến	1031.000.000.993	44.705.880				44.705.880	
33	Nguyễn Thái Hưng	014.100.087.3281	46.635.512				46.635.512	
34	Nguyễn Thị Thanh Hương	055.100.028.1391	64.716.156				64.716.156	
35	Hoàng Văn Hồng	055.100.011.0981	53.298.281				53.298.281	
36	Nguyễn Văn Tuấn	1.016.768.866	47.637.720				47.637.720	
37	Đặng Tuấn Khương	0551.000.092.063	42.443.758				42.443.758	
38	Nguyễn Tuấn Linh	0551.000.290.932	42.043.758				42.043.758	
39	Nịnh Văn Việt	0141.000.891.209	43.581.737				43.581.737	
40	Hoàng Thị Thắm	0551.000.016.951	54.355.860				54.355.860	
41	Nguyễn Đức Trọng	1024.575.741	44.341.254				44.341.254	
42	Nguyễn Thị Thanh Nga	9362.128.166	42.593.758				42.593.758	
43	Mai Hồng Trang	1024.572.562	42.393.758				42.393.758	
44	Bùi Phương Thanh	1024.573.255	39.699.469				39.699.469	
45	Nguyễn Thị Quý	1024.742.585	44.326.295				44.326.295	
46	Đinh Quang Thái	0551.000.267.389	43.207.719				43.207.719	
47	Đặng Thị Phúc	1016.861.498	33.449.318				33.449.318	
	<u>Cộng</u>		2.842.614.170	0	0	0	2.842.614.170	0

KẾ TOÁN



Bùi Phương Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hoàng Văn Lương